

## QUYẾN THUỘC CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Do hoá độ tất cả chúng sinh trong 25 Hữu nên Đức Thiên **Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát** có rất nhiều quyến thuộc, trong đó có **28 Bộ** phụ giúp. Hầu hết các Vị trong 28 Bộ này đều hộ trì cho người trì tụng Thần Chú Đại Bi vượt qua ách nạn, xa lìa các Ma chướng, hàng phục các loài Ma Quỷ Thần hung ác và mau chóng có phương tiện thuận lợi cho việc tu hành. Vì thế, nếu Hành Giả gặp việc cần thiết thì có thể kết Ấn, niệm Chân Ngôn kêu gọi cầu khẩn giúp đỡ.



### 1 ) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Nhiếp Ấn :**

Chấp 2 tay lại để trống rỗng chính giữa (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở 2 ngón út, 2 ngón trở phóng thẳng ra ngoài. Đứng thẳng đọc Chân Ngôn là :

KURU KURU\_TURU TURU \_ JVARA JVARA \_ SIRI SIRI \_ SURU  
SURU \_ TRAJVARA \_ SVĀHĀ

### 2 ) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Minh Ấn :**

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phộc Quyền) dựng đứng 2 ngón cái, hiển tướng giận dữ, niệm Chân Ngôn:

OM \_ KUBERA \_ SVĀHĀ

### 3 ) **Nhị Thập Bát Bộ Chúng Ấn :**

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền, dựng thẳng đứng 2 ngón giữa, co ngón trở và ngón út như hình vành xe (Luân). Niệm Chân Ngôn

:

OM\_MUCI MUCI \_ PIŚĀCANĀM HŪM HŪM \_ BUDDHĀNĀM VAJRA  
HŪM PHAT

### 4 ) **Nhị Thập Bát Bộ Can Tâm Chân Ngôn :**

NAMO MĀRĀ-RĀJA SADDHARMA PUNḌARIKA \_ OM RĪṬI \_ SVĀHĀ

### 5 ) **Thiên Long Bát Bộ Tập Hội Ấn :**

Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, co 2 ngón út dè trên móng 2 ngón cái, đưa 2 ngón trở qua lại. Niệm Chân Ngôn là :

OM \_ SARVA DEVA NĀGA \_ ANALE ANALE \_ SVĀHĀ.

### \*) DANH XUNG CỦA 28 BỘ :

#### 1) **Minh Chú Thần Bộ** (hay **Câu Triệu Sứ Giả Bộ**)

Kinh ghi : *“Mật Tích, Kim Cương Sĩ, Ô Sô, Quân Đồ, Ương Câu Thi”*

**Mật Tích:** tức là **Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ** (Vajra-pāṇi-guhyakādhipati) Lúc hiện thân đoan nghiêm thì gọi là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi). Khi hiện thân tướng phần nộ thì gọi là **Kim Cương Mật Tích** (Vajra-guhyaka). Vì có sức mạnh kiên cố và tay cầm chày Kim Cương nên gọi là **Kim Cương Sĩ** (Vajra-satva). Đây là vị Mật Tích Kim Cương cầm chày đứng hầu sau lưng Đức Phật. Do vị này có hành tung bí mật và Bản Thệ bí mật nên gọi là **Mật Tích** (Guhyaka). Thông thường các vị Mật Tích Kim Cương đều là thân hóa hiện của chư Phật Bồ Tát

Căn cứ vào nghĩa thâm sâu thì Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ biểu thị cho 3 Mật Thân Khẩu Ý của Đại Nhật Như Lai và thường được tán tụng là :

*“Quy mệnh Mật Tích Chủ*

*Tồi hoại các loài Ma*

*Đông Chân Pháp Vương Tử*

*Đủ mọi hạnh Phổ Hiền “*

**Kim Cương Sĩ** tức **Kim Cương Tát Đồ** (Vajra-satva) có Bản Thệ là phá nát các chướng ác nên biểu thị cho Đức *“Chiết Phục Môn “*

**Quân Đồ** gọi đủ là **Quân Đồ Lợi** (Kuṇḍali) dịch ý là cái bình chứa Cam Lộ (Amṛta-kuṇḍali). Tôn này dùng nước Đại Bi tẩy rửa các chướng nạn của chúng sinh và khiến cho mọi sự mong cầu đều được đầy đủ, phá nát chúng Tu La, điều phục Quỷ Thân ác, trừ bệnh tật khiến sống lâu và thường được tán tụng là :

*“Tuôn chảy nước Cam Lộ*

*Tẩy rửa trong Tàng Thức “*

**Ương Câu Thi** (Ankuṣe) có nghĩa là Khúc Câu, tên một món vũ khí có hình như móc câu. Trong Kinh Đại Bi thì **Ương Câu Thi** được dùng để chỉ vị **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja). Tôn này có Bản Thể là: **“Không trụ ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô Minh để đoạn tận các nẻo ác”** nên biểu thị cho sức tinh tiến không thoái chuyển của các vị Bồ Tát.

Thiên Thủ Nghi Quỹ ghi là : **“Trong 4 Nhiếp Câu , Sách, Tỏa Linh thì Câu dùng Mã Đầu Ấn Minh”**

OM HAYAGRĪVA MAHĀ-PADMA-ANĀKUSA JAḤ

**Ô Sô** gọi đủ là **Ô Sô Sa Ma** (Ucchuṣma) dịch ý là Giải Uế, Thọ Uế hoặc Uế Tích. Trong Đại Phật Đỉnh Kinh thì Tôn này là Hỏa Đầu Kim Cương. Tôn này có Công Đức **chuyển uế thành tịnh, chuyển nhiệt tâm tham dục thành Trí Tuệ giải thoát**

Cả 5 Tôn này là 5 vị Câu Triệu Sứ Giả của 5 Bộ là: Phật Bộ, Kim Cương Bộ, Bảo Bộ, Liên Hoa Bộ, Yết Ma Bộ

### 2) Chú Thân Sứ Giả Bộ (hay Sứ Giả Bộ)

Kinh ghi : **“Bát Bộ lực sĩ, Thường Ca La”**

**Bát Bộ Lực Sĩ** là 8 vị Đại Kim Cương Vương hay 8 vị Kim Cương Sứ

**Thường Ca La** (Śaṅkara) dịch ý là cái khóa (Tỏa). Đây là Hiệu chung của 8 vị Kim Cương Sứ và thường gọi là **Kim Cương Liên Tỏa** (Vajra-śaṅkara, hay Vajra-śaṅkara )

### 3) Đại Lực Thiên Bộ

Kinh ghi : **“Ma Hê, Na La Diên”**

**Ma Hê** gọi đủ là **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara) tức là Trời Đại Tự Tại. Lại gọi là Tự Tại Thiên, Tự Tại Thiên Vương, Thiên Chủ. Truyền thuyết cho rằng đây là **Thân Phần Nộ** (Krodha-kāya) của **Lỗ Nại La Thiên** (Rūdra) . Do địa phương cư trú chẳng đồng nên lại có tên khác là **Thương Yết La** (Śaṅkara) và **I Xá Na** (Īśana)

Vị Trời này nguyên là Thần Chủ **Thấp Bà** (Śiva) của Bà La Môn Giáo và xưng tán vị Trời này là Bản Thể của Thế Giới. Tất cả vật Hữu Mệnh hoặc Vô Mệnh trong Tam Giới đều do Ma Hê Thủ La Thiên sinh ra.

Lại dùng Thân của Ma Hê Thủ La mà nói: Hư Không là cái đầu, Đất là cái thân, Nước là thứ tiểu tiện, tất cả Chúng Sinh là loài trùng trong bụng, Gió là mạng sống, Lửa là hơi ấm, Tội Phước là nghiệp, tất cả Sinh Diệt Niết Bàn đều là Ma Hê Thủ La

Phàm tất cả sự vui buồn sướng khổ của Nhân Gian đều do vị Trời này. Lúc vị Trời này vui thì tất cả chúng sinh đều được an lạc. Khi vị Trời này giận thì chúng Ma hiện ra, đất nước nhiễu loạn, tất cả Chúng Sinh đều tùy theo mà chịu khổ. Nếu Thế Giới này đoạn diệt thì tất cả vạn vật cùng quy vào trong Trời Đại Tự Tại. Sự tận diệt này là cách thức biểu hiện của Đại Tự Tại Thiên Thần.

Xong trừ sát thương, bạo ác... là tính cách bên ngoài. Vị Thiên này cũng có đủ tính cách cứu hộ trị liệu nên dùng diện mạo của vị Thần Cát Tường để hiện ra.

Sau này, khi đã du nhập vào Phật Giáo thì vị Thần Thấp Bà (Śiva) liền trở thành vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo. Ngài là vị Thần có uy lực to lớn, biết rõ lượng nước mưa của Đại Thiên Thế Giới và cư ngụ tại Trời Tứ Thiên thuộc **Sắc Phạm Thiên Giới** (Rūpa-brahma-loka)

Đức Phật có dạy: **“Nếu đã cúng dường Ma Hê Thủ La Thiên là cúng dường tất cả chư Thiên. Khi vị Trời này giận dữ thì tất cả Ma Chúng hiện ra và quốc thổ nhiễu loạn”**

**Na La Diên** (Nārāyaṇa) là vị Thần Cổ Xưa của Ấn Độ có sức mạnh to lớn. Lại gọi là Na La Diên Thiên, Na La Dã Noa Thiên. Dịch ý là: Kiên Cố Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Câu Tỏa Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên. Đây là vị Trời trong **Dục Giới** (Kāma-loka). Lại xưng là **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu). Người muốn cầu có nhiều sức mạnh thì nên tinh thành cầu đảo cúng dường vị Trời này ắt được nhiều thần lực

**Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10** cũng ghi nhận vị Trời này là tên riêng của Tỳ Nữu Thiên, là Hóa Thân của Đức Phật, thường cỡi con chim Ca Lôu La (Garuḍa: Kim Xí Điểu) du hành trong hư không.

Ấn Độ cổ đại thì xưng tán vị Trời này là Mẫu của Phạm Thiên và thường xưng tụng câu Chú “OM NAMO NĀRĀYAṆĀYA “ ắt có thể bay lên Trời

#### 4) Khoáng Dã Quỷ Thần Bộ

Kinh ghi : “**Kim Tỳ La Đà, Ca Tỳ La**”

**Kim Tỳ La Đà** gọi đủ là **Kim Tỳ La Đà La** (Kumbiradhara) là vị Bồ Thần thứ ba của **Đế Đầu Lại Tra Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra-deva-rāja: Trì Quốc Thiên Vương) Tôn này còn gọi là **Khoáng Dã Kim Tỳ La** (Aṭavaka-kumbira) thống lãnh tất cả hàng Quỷ Thần .

**Ca Tỳ La** (Kapila) tức Ca Tỳ La Dược Xoa, là vị Bồ Thần thứ nhất của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-deva-rāja). Tôn này còn được gọi là Kiếp Tất La, Kiếp Tỳ La Dược Xoa. Dịch ý là: Hoàng Sắc Dạ Xoa là một trong 4 Dạ Xoa ở phương Đông (1 trong 28 Dạ Xoa) gồm có **Kiếp Tất La Dạ Xoa** (Kapila-yakṣa), **Đại Trường Dạ Xoa** (Dhīrgha-yakṣa), **Diệu Mục Dạ Xoa** (Sunetre-yakṣa), **Viên Mãn Dạ Xoa** (Pūrṇa-yakṣa) trụ ở phương Đông của 10 phương Thế Giới, hộ giúp cho tất cả Chúng Sinh ở phương Đông mau lìa buồn khổ

#### 5) Thủy Thần Bộ

Kinh ghi “**Bà Cấp, Bà Lôu Na**”

**Bà Cấp** cũng là **Ma Sa** (Matsya) là con cá

**Bà Lôu Na** (Varuṇa) là Thủy Thiên

Đại Tập Kinh 56 ghi nhận 5 loại Long Vương (Pañca-nāga-rāja) là

\_ **Thiện Trụ Long Vương** (Supratiṣṭha-nāga-rāja) là vua của tất cả loài Tượng Long

\_ **Nan Đà** (Nanda-nāga-rāja), **Bạt Nan Đà** (Upananda-nāga-rāja), hai vị Long Vương này là Chủ của tất cả loài Xà Long

\_ **A Nậu Đạt Long Vương** (Anavatapta-nāga-rāja) là Chủ của tất cả loài Mã Long

\_ **Ma Na Tô Ba Đế Long Vương** (Manasvati-nāga-rāja) là vua của tất cả loài Hà Mô Long

\_ **Bà Lôu Na Long Vương** (Varuṇa-nāga-rāja) là Chủ của tất cả loài Ngư Long

Như vậy Bà Cấp Bà Lôu Na (Matsya-varuṇa) chính là Ngư Long Thủy Thiên

#### 6) Thiện Thần Bộ

Kinh ghi: “**Mãn Thiện, Xa Bát Chân Đà La**”

**Mãn Thiện** (Pūrṇa-kuśala) tức Viên Mãn Dạ Xoa chuyên hộ giúp các chúng sinh ở phương Đông

**Xa Bát Chân Đà La** (Daśa Siṅḍura) là vị Đại Tướng Dược Xoa thứ 10 trong 12 vị Thần Tướng Dược Xoa hộ trì pháp của Đức Phật **Dược Sư Lưu Ly Quang Vương** (Bhaiṣajya-guru-vaidūrya-prabha-rājāya). Tôn này còn gọi là **Dần Thần** (Siṅḍura)

### 7) Thần Tướng Bộ

Kinh ghi: “*Tát Giá Ma Hòa La*”

**Tát Giá Ma Hòa La** (Śacate Madhura) nghĩa là người có sức mạnh mẽ phục vụ cho Thần Chiến Tranh Skanda nên được gọi là **Đại Lực Tướng Quân** (Mahā-bala Senapati) **Đại Thần Tướng Quân Ma Hoà La** (Madhura senapati) Đại Thần Tướng Quân Nữ Tát Giá Ma

### 8) Đấu Chiến Thần Bộ

Kinh ghi: “*Cưu Lan Đan Tra, Bán Chỉ La*”

**Cưu Lan Đan Tra** (Kṛtānta) nghĩa là đem đến sự cùng tận nhằm chỉ vị Thần chiến đấu vô địch. Đây là một tên của **Tử Thần** (Yama)

**Bán Chỉ La** (Pañcika) dịch là Mặt Chủ, Mặt Thân. Tức là Đại Tướng Dược Xoa thứ 3 trong 8 vị Dược Xoa Đại Tướng là quyền thuộc của Tỳ Sa Môn Thiên. Tôn này là chồng của **Quỷ Tử Mẫu** (Hāritye Mātṛ).

### 9) Sơn Thần Bộ

Kinh ghi: “*Tất Bà Già La Vương*”

**Tất Bà Già La Vương** là **Nhĩ Hầu Vương** (Markada-rāja) một vị Sơn Thần trấn ngự ở ngọn núi to lớn Makara

### 10) Lưu Hành Thần Bộ

Kinh ghi : “*Ứng Đức, Tỳ Đa, Tát Hòa La*”

**Ứng Đức** (Arhagūṇa) xưa dịch là **Ly Thọ Trước Thiên** (Vị Trời xa lìa sự thọ nhận nhiệm dĩnh)

**Tỳ Đa** (Śveta) là Bạch Quỷ hay Cực Bạch Quỷ

**Tát Hòa La** (Savara hay Śabara) là vị Thần làm Chủ của Bách Quái. Đây cũng là một tên gọi của Thần **Thấp Bà** (Śiva)

### 11) Phạm Thiên Bộ

Kinh ghi : “*Phạm Ma Tam Bát La*”

**Phạm Ma** gọi đủ là **Phạm La Hạ Ma** (Brahma) có nghĩa là trong sạch tinh khiết Theo Ấn Độ Giáo thì Brahma là vị Chủ Tể sáng tạo ra Trời Đất và muôn vật. Sau nay khi du nhập vào Phật Giáo thì Brahma là vị Chủ Tể của cõi Sơ Thiên thuộc **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu)

**Tam Bát La** (Sambhara) có nghĩa là Ứng, chịu nhận, cái kho chứa

Do đó Phạm Ma Tam Bát La được dịch là Ứng Thiên, tức chỉ chư vị ở 3 tầng Trời thuộc Sơ Thiên Thiên là

\_ Phạm Chúng Thiên (Brāhma Parsādyā)

\_ Phạm Phụ Thiên (Brāhma Purohīta)

\_ Đại Phạm Thiên (Mahā-brāhma)

### 12) Na Hàm Thiên Bộ

Kinh ghi : “*Ngũ Bộ Tịnh Cư, Diêm Ma La*”

**Ngũ Bộ Tịnh Cư** (Pañca-suddhāvāsa) là Trời Ngũ Tịnh Cư. Nơi cư ngụ của các vị Thánh có Tịnh nghiệp, nơi sinh của các bậc Thánh đặc quả **A Na Hàm** (Anāgāmi) . Cõi này gồm có 5 Trời thuộc Đệ Tứ Thiên Thiên của Sắc Giới là

\_ Vô Phiền Thiên (Avṛha)

\_ Vô Nhiệt Thiên (Atapa)

- \_ Thiện Kiến Thiên (Sudṛśa)
- \_ Thiện Hiện Thiên (Sudarśana)
- \_ Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṣṭha)

**Diêm Ma La** gọi đủ là **Diêm Ma La Già** (Yama-rāja)

Theo Ấn Độ Giáo thì Yama là vị Trời Dạ Ma, một vị Thần Quang Minh. Sau khi mất, Ngài vào cõi U Minh làm Chủ Tể của cõi Hắc Ám chuyên phán xét tội ác của người chết nên có tên là Tử Vương. Ở Địa Ngục thì Yama chuyên cai trị Nam Tội Nhân, còn em gái là Yami chuyên cai trị Nữ tội nhân, nên được gọi là Song Vương. Hai anh em đều là con của **Nhật Thần** (Vivasvat) và **Thời Gian Thần** (Saraṇyu)

Do Yama chuyên trừng phạt cột trời tội nhân nên có tên là **Phộc Vương** (Bandha-rāja). Vì phán quyết và ngăn chặn hạnh ác của những người bị đọa vào Địa Ngục nên có tên là Già Chỉ Vương hoặc Tịnh Tức Vương. Do Yama luôn thăm vấn và phán xét tội nhân một cách vô tư nên có tên là **Bình Đẳng Vương** (Sama-rāja).

Truyền Thuyết cho rằng: Yama nguyên là vị vua của xứ **Vệ Xá Li** (Vaiśali). Trong một trận chiến tranh đẫm máu, Ngài nguyện làm vua của Địa Ngục và được tái sinh làm Diêm Vương thống lãnh 18 Âm Cung, 8 vị Tướng Quân và 8000 ngục tốt. Ngài cư trú trong cái thành to lớn làm bằng 7 báu, ngang dọc 60 Do Tuần, thọ hưởng sự vui sướng vô thượng. Nhưng mỗi ngày 3 lần, Yama và các Tướng Sĩ phải chịu hình phạt bị đổ đồng sôi vào miệng cho đến khi đền trả hết tội ác. Do Yama nhận chịu cả 2 Quả Báo sướng khổ nên có tên là Song Vương.

Sau này tuy Mật Giáo ghi nhận Ya Ma vào Thiên Bộ là **Diêm Ma Thiên** (Yama-deva) nhưng Giáo Đồ Phật Giáo vẫn xem Ngài là Thủy Tổ của Thế Giới Quỷ, Tổng Quản của Âm Giới, Thần Chủ của Địa Ngục ở núi Thiết Vi. Thuộc Hạ thân cận của Ngài là Hắc Ám Thiên Nữ, Thái Sơn Phủ Quân và 2 vị Thần chuyên ghi chép việc Thiện Ác có tên chung là Song Đồng.

**13) Đế Thích Thiên Bộ** (hay **Đao Lợi Thiên Bộ**)

Kinh ghi : **“Thích Vương, Tam Thập Tam”**

**Thích Vương**: Tức vua Trời **Đế Thích** (Indra hay Śakra).

Nguyên Indra là vị Thần của Ấn Độ Giáo, là Thần Lôi Vũ có địa vị tối cao trong các chư Thần, ngồi trên xe có ngựa kéo, vung múa Chày Kim Cương ngăn trị loài Ma ác và đấu tranh với hàng A Tu La.

Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Indra trở thành vị Hộ Pháp, là vị Thần Chủ của cõi Trời Đao Lợi, cai quản cả 33 cõi Trời

**Tam Thập Tam** : Tức **Tam Thập Tam Thiên** (Trayastrimśa). Cõi này còn có tên là Đao Lợi Thiên, Đế Thích Thiên, Dạ Xoa Bí Mật Kim Cương Thủ... Đây là tầng Trời thứ hai trong 6 tầng Trời của **Dục Giới** (Kāma-dhātu) ở trên đỉnh núi Tu Di (Sumeru) 4 phương của đỉnh núi đều có thành quách của 8 Thiên, chính giữa là thành **Thiện Kiến** (Sudṛśa) là nơi cư ngụ của vua Trời Đế Thích, 4 góc của đỉnh núi đều có một ngọn cao 500 Do Tuần có Thần Dạ Xoa tên là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) cư trú và phòng hộ chư Thiên.

**Chính Pháp Niệm Xứ kinh** , quyển 25 ghi nhận 33 Thiên là :

- 1) Trụ Thiện Pháp Đường Thiên
- 2) Trụ Phong Thiên
- 3) Trụ Sơn Đỉnh Thiên
- 4) Thiện Kiến Thành Thiên (nơi cư ngụ của Đế Thích)
- 5) Bát Tư Địa Thiên
- 6) Trụ Câu Tra Thiên
- 7) Tạp Điện Thiên

- 8) Trụ Hoan Hỷ Viên Thiên
- 9) Quang Minh Thiên
- 10) Ba Lợi Gia Đa Thọ Viên Thiên
- 11) Hiêm Ngạn Thiên
- 12) Trụ Tạp Hiêm Ngạn Thiên
- 13) Trụ Ma Ni Tạp Thiên
- 14) Du Hành Địa Thiên
- 15) Kim Điện Thiên
- 16) Man Ảnh Xứ Thiên
- 17) Trụ Nhu Nhuyễn Địa Thiên
- 18) Tạp Trang Nghiêm Thiên
- 19) Như Ý Địa Thiên
- 20) Vi Tế Hành Thiên
- 21) Ca Âm Hỷ Lạc Thiên
- 22) Uy Đức Luân Thiên
- 23) Nguyệt Hành Thiên
- 24) Diễm Ma Sa La Thiên
- 25) Tóc Hành Thiên
- 26) Ảnh Chiếu Thiên
- 27) Trí Tuệ Hành Thiên
- 28) Chúng Phần Thiên
- 29) Trụ Luân Thiên
- 30) Thượng Hành Thiên
- 31) Uy Đức Nhan Thiên
- 32) Uy Đức Diễm Luân Thiên
- 33) Thanh Tĩnh Thiên

14) **Dục Giới Thiên Bộ :**

Kinh ghi : **“Đại Biện, Công Đức, Bà Đát Na”**

**Đại Biện** : Tức là **Biện Tài Thiên Nữ** (Sarasvati-devi). Theo Ấn Độ Giáo và Bà La Môn Giáo cổ đại thì Tôn này là Van Nghệ Thần Nữ. Lại còn gọi là Đại Biện Thiên, Đại Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Công Đức Thiên, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần, Diệu Âm Thiên, Mỹ Âm Thiên và gọi tắt là Biện Thiên.

Theo **Lê Câu Phệ Đà** (Rig-Veda) thì Tôn này là tên gọi của con sông và là vị Thần Sông Rạch hay trừ uế cho con người; ban cho con người sự giàu có, tiền của, con cháu và sự dũng cảm.

Theo Phạm Thu và **Ma Ha Bà La Đa** (Sử Thi Mahā-bharata) thì Tôn này là Ngôn Ngữ Thần Nữ. Sau này là vợ của Phạm Thiên tức là Nữ Thần của ngôn ngữ và tri thức. Tương truyền Tôn này là người sáng tạo ra Mầu Tự Thiên Thành Thể và Phạm Ngữ, chương quản thi ca âm nhạc. Là người bảo hộ cho kẻ học nghệ thuật hòa tấu. Sau này lại là Nữ Thần của trí tuệ và hùng biện. Có lúc lại thấy Tôn này là vợ của **Tỳ Thấp Noa** (Vișṇu) cùng với Cát Tường Thiên Nữ đồng nhận Tín Ngưỡng phổ biến.

Khi du nhập vào Phật Giáo thì Tôn này là người thủ hộ thọ trì **Kinh Kim Quang Minh** (Suvarṇa prabhāsottama- Sutra)

**Công Đức**: Tức là **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-devi) Đây là Nữ Thần hay ban bố Phước Đức.

Lúc đầu Thiên Nữ này vốn là một vị Thần trong Thần Thoại Ấn Độ, là Ái Phi của **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa) và là mẹ của Thần **Ái Dục** (Kāma). Truyền Thuyết khác cho rằng Thiên Nữ này có tên là **Lakṣmi** (Cát Khánh hay Công Đức Thiên) cha

tên là Đức Xoa Ca Long Vương (Takṣa-nāga-rāja) mẹ tên là **Ha Lợi Đế Mẫu** (Hārtye Mātṛ) anh tên là **Tỳ Sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa)

Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Thiên Nữ này trở thành vị Thiên Thần Hộ Pháp cho Phật Giáo. Hầu hết Kinh Bản của Phật Giáo đều ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Tỳ Sa Môn Thiên và xác nhận Thiên Nữ này là vị Bồ Tát Bát Địa vì đại nguyện lực nên hiện hình Thiên Nữ ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh.

**Bà Đát Na** (Vasīna): là Ấn Hình tức là tên riêng của **Ma Lợi Chi Thiên Nữ** (Marīci-devi)

Theo Thần Thoại Ấn Độ thì Marīci (Dương Diễm hay Uy Quang) là dạng Thần Cách Hóa ánh sáng của Mặt Trời (Sūrya). Ngài là quyền thuộc của Trời Đế Thích, thường chạy phía trước **Nhật Thiên** (Āditya-deva) đi khắp 4 Châu thiên hạ, chuyên đảm đương việc giữ nước an dân.

Do Tôn này có đủ lực tự tại thần thông to lớn, chuyên ẩn thân, hay tiêu trừ chướng nạn, tăng tiến lợi ích cho con người nên rất được nhân dân sùng bái. Tại Nhật Bản thì Tôn này là nơi tín phụng của hàng Võ Sĩ, tức là Thần Thủ Hộ của Nhân Thuật Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Tôn này được gọi là Ma Lợi Chi Bồ Tát và xếp vào Thiên Bộ. Dùng Tôn này làm Bản Tôn của Pháp Tu sẽ được các Công Đức về hộ thân, ấn hình, tiền bạc, tranh luận thắng lợi.

#### 15) **Càn Thát Bà Bộ :**

Kinh ghi: “**Đề Đầu Lại Tra Vương**”

**Đề Đầu Lại Tra Vương** (Dhṛta-rāṣṭra-deva-rāja) là Trì Quốc Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Càn Thát Bà** (Gandharva: Hương Âm Thần) và Tỳ Xá Già (Piśāca: Xí Thần). Ngài trụ ở Hoàng Kim Đóa ở núi Càn Đà nằm giữa eo núi Tu Di ở phương Đông, chỗ cư ngụ của Ngài gọi là Hiền Thượng Thành.

Do Ngài có Bản Thệ là khen thưởng các điều lành, trừng phạt các việc ác, hộ trì Quốc Thổ, bảo vệ chúng sinh nên có tên gọi là Trì Quốc Thiên Vương, vị Thần bảo hộ ở phương Đông.

#### 16) **Dạ Xoa Mẫu Thần Bộ :**

Kinh ghi :”**Thần Nữ Mẫu, chúng Đại Lực** “

**Thần Nữ Mẫu**: Tên Phạn là Hārtye- Mātṛ dịch âm là Ha lợi Đế Ma Đề Lý, dịch ý là Hoan Hỷ Mẫu, Ái Tử Mẫu, Thiên Mẫu, Công Đức Thiên. Vị Nữ Thần này là mẹ của 500 Quỷ Vương (? 1000 Quỷ Vương) nên gọi là Quỷ Tử Mẫu.

Tôn này vốn là vợ của vị Ác Thần, sinh ra 500 đứa con (? 1000 đứa con) Nhân trước khi sinh có phát nguyện ăn hết trẻ thơ của thành **Vương Xá** (Rāja-grha) Do Tà Nguyện ấy, sau khi chết liền sinh làm Dạ Xoa và đi đến thành Vương Xá chuyên môn bắt con nhỏ của người khác ăn thịt. Đức Phật muốn răn đe dạy bảo, liền dấu mất đứa con yêu của bà. Quỷ Tử Mẫu Thần đau khổ khóc than thảm thiết. Khi ấy Đức Phật bảo rằng: “Người có 500 đứa con, nay chẳng qua chỉ lấy đi một đứa con mà người đã đau buồn như thế. Còn người ăn thịt con của người ta thì sự đau buồn của các cha mẹ mất con so với người, điều nào đáng buồn hơn?”

Quỷ Tử Mẫu nghe xong liền Quy Y Đức Phật và lập thệ sẽ làm vị Thần Bảo Hộ cho sản phụ và trẻ con được bình yên. Đời sau vì sùng kính Bà nên gọi là Tử Mẫu Thần.

Vì Ha Lợi Đế Mẫu vốn có thệ ước là hộ trì Pháp Quán Âm nên các Đại Quán Âm đều dùng Thần Mẫu làm quyền thuộc.

**Chúng Đại Lực**: là 1000 Dạ Xoa có sức mạnh to lớn.



**Quỷ Tử Mẫu Kinh** ghi nhận là: “Ha Lợi Đế Mẫu có 1000 đứa con, 500 con ở trên Trời, 500 con ở dưới đất đều có Đại Lực, thống suất hàng vạn quân Quỷ làm rối loạn chư Thiên và Nhân Gian một cách độc ác . Sau này Đức Phật dùng sức phương tiện triệu tập 1000 Quỷ Vương đó lại, khiến cho họ phải chịu 500 hình phạt thì họ mới bắt đầu vào đường Thiện”.

**17) Cru Bàn Trà Bộ :**

Kinh ghi: “*Tỳ Lâu Lặc Xoa*”

**Tỳ Lâu Lặc Xoa** (Virūḍhaka-deva-rāja) là Tăng Trưởng Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Cru Bàn Trà** (Kumbhaṇḍha: Ung Hình Quỷ) và **Bế Lệ Đa** (Preta: Ngạ Quỷ) Ngài cư ngụ tại Thành Thiện Kiến thuộc Lưu Ly Đóa ở phía Nam núi Tu Di.

Do Ngài có Bản Thệ là làm tăng trưởng uy đức của mình và của người cho nên có Đức Phật làm cho vạn vật sinh trưởng và nuôi lớn căn lành cho các chúng sinh. Vì thế Ngài có tên là Tăng Trưởng Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Nam

**18) Hộ Thế Thiên Bộ :**

Kinh ghi: “*Tỳ Lâu Bác Xoa, Tỳ Sa Môn*”

**Tỳ Lâu Bác Xoa** (Virūpakṣa-deva-rāja) là Quảng Mục Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Rồng** (Nāga) và **Phú Đan Na** (Pūtana: Xú Quỷ) Ngài cư ngụ tại thành Chu La Thiện Kiến thuộc Bạch Ngân Đóa ở phía Tây núi Tu Di

Do Ngài có Bản Thệ trừng phạt người có tội khiến họ phải gặp các điều cay đắng, sau đó mới có thể khởi Tâm Đạo nên Ngài thường dùng Thiên Nhân Thanh Tịnh quán sát độ trì cho chúng sinh ở Diêm Phù Đề. Vì thế Ngài có tên là Quảng Mục Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Tây

**Tỳ sa Môn** (Vaiśravaṇa-deva-rāja) tức là Đa Văn Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Dạ Xoa** (Yakṣa) và **La Sát** (Rākṣasa). Ngài cư ngụ tại 3 thành: Khả Úy, Thiện Kính, Chúng Quang thuộc Thủy Tinh Đóa ở phía Bắc núi Tu Di

Do Ngài có Bản Thệ thường bảo hộ Đạo Trường của Như Lai và nghe Pháp nên Phước Đức lừng lẫy 4 phương. Vì thế Ngài có tên là Đa Văn Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Bắc

Tỳ Sa Môn còn có tên gọi là Kubera (hay Kuvera) là vị Tài Thần (hay Phúc Thần) hay thí phước hộ tài nên được sự tín phụng của nhiều người.

**19) Diệu Vương Bộ :**

Kinh ghi : “*Kim Sắc Khổng Tước Vương*”

**Kim Sắc** (Suvarṇa-rūpa) là màu vàng ròng

**Khổng Tước Vương** (Mayūra-rāja) là vua của loài chim công.

Đây là vị Thần Thủ Hộ của Phật Pháp và cũng được xem là một Hóa Thân của Phật Đà chuyên bảo hộ cho người tu hành. Mật Giáo còn gọi Tôn này là Phật Mẫu Kim Sắc Khổng Tước Minh Vương, **Đại Kim Sắc Khổng Tước Minh Phi** (Mahā-mayūri-vidya-rāñji: Đại Khổng Tước Minh Phi)

**20) Đại Tiên Bộ:**

Kinh ghi : “*Nhị Thập Bát Bộ Đại Tiên Chúng*”

**Nhị Thập Bát Bộ** là 28 vị Tinh Tú (Aṣṭa-vimśati-nakṣatrām) đều gọi là Đại Tiên (Mahā-ṛṣī) ngụ trong 7 núi vàng. 4 phương đều có 7 Tú, hợp thành 28 Tú, đều làm Thủ Hộ Đạo Trường

**7 Tú ở phương Đông:**

- 1) Mão Tú (Kṛtikā)
- 2) Tất Tú (Rohiṇī)
- 3) Tuy Tú (Mṛgaśiras)
- 4) Sâm Tú (Ārdrā)
- 5) Tinh Tú (Punarvasu)
- 6) Quỷ Tú (Puṣya)
- 7) Liễu Tú (Āśleṣā)

**7 Tú ở phương Nam:**

- 1) Tinh Tú (Maghā)
- 2) Trương Tú (Pūrva-phalgunī)
- 3) Dực Tú (Uttara-phalgunī)
- 4) Kháng Tú (Svātī)
- 5) Chân Tú (Hasta)
- 6) Giác Tú (Citrā)
- 7) Đê Tú (Viśākhā)

**7 Tú ở phương Tây:**

- 1) Phòng Tú (Anurādhā)
- 2) Tâm Tú (Jeṣṭha)
- 3) Vĩ Tú (Mūlā)
- 4) Cơ Tú (Pūrva-Āṣāḍhā)
- 5) Đầu Tú (Uttara-Āṣāḍhā)
- 6) Ngưu Tú (Abhijit)
- 7) Nữ Tú (Śravaṇā)

**7 Tú ở phương Bắc:**

- 1) Hư Tú (Dhaniṣṭhā)
- 2) Ngụy Tú (Śatabhiṣak)
- 3) Thất Tú (Pūrva-bhādrapadā)
- 4) Bích Tú (Uttara-bhādrapadā)
- 5) Khuê Tú (Revati)
- 6) Lâu Tú (Aśvinī)
- 7) Vị Tú (Bharaṇī)

Lúc cúng tế dùng nước cốt trà (Trà tráp) làm Tiên Pháp

**21) Đại Dược Xoa Bộ :**

Kinh ghi : **“Ma Ni Bạt Đà La”**

**Ma Ni Bạt Đà La** (Maṇi-bhadra) là Bảo Hiền Dược Xoa, là vị Bồ Thần thứ nhất của Đông Phương Thiên Vương. Tôn này là Thượng Thủ của 8 Đại Dược Xoa và là em của Đa Văn Thiên Vương

8 Đại Dược Xoa Quyển Thuộc của Tỳ Sa Môn Thiên là:

- 1) **Maṇi-bhadra** (Bảo Hiền)
- 2) **Pūrṇa-bhadra** (Mãn Hiền)
- 3) **Pāñcika** (Mật Chủ, Mật Thân)
- 4) **Śatagirī** (Uy Thần, Chúng Đứ) )
- 5) **Hemavanta** (Ứng Niệm, Chủ Tuyết Sơn Già)
- 6) **Viśakha** (Đại Mãn, Trì Pháp)
- 7) **Āṭavaka** (Vô Tỷ Lực, Vô Tỷ Thân)
- 8) **Pañcala** (Mật Nghiêm)

**22) Phương Bá Dược Xoa Bộ :**

Kinh ghi : **“Tán Chỉ Đại Tướng, Phát La Bà”**

**Tán Chỉ Đại Tướng** (Pañcika) là **Chính Liễu Tri Đại Tướng** (Saṃjñeya). Do đối với các Pháp, vị Dược Xoa (Yakṣa) này đều biết chính xác, hiểu chính xác, ngộ chính xác, có năng lực quán sát chính xác nên có tên là Chính Liễu Tri

**Phương Bá Dược Xoa**: gồm có 28 vị Dược xoa. Do 4 phương mỗi phương có 4 vị Dược Xoa, 4 góc mỗi góc có 1 vị Dược Xoa, phương trên có 4 vị Dược Xoa, phương dưới có 4 vị Dược Xoa nên gọi 28 vị Dược Xoa này là Phương Bá Dược Xoa.

) 4 Vị Dược Xoa ở Phương Đông là: **Đại Trường** (Dīrgha), **Diệu Mục** (Sunetra), **Viên Mãn** (Pūrṇa), **Hoàng Sắc** (Kapila)

) 4 Vị Dược Xoa ở phương Nam là: **Sur Tử** (Simha), **Tiểu Sur Tử** (Upasimha), **Loa** (śaṅkhara), **Chiên Đàn** (Candana)

) 4 Vị Dược Xoa ở phương Tây là: **Sur Tử** (Hari), **Sur Tử Kế** (Harikeśa), **Tự Tại** (Prabhū), **Thanh Sắc** (Piṅgala)

) 4 Vị Dược Xoa ở phương Bắc là: **Năng Trì** (Dharana), **Trì Hỷ** (Dharananda), **Cần Hộ** (Udyogapāla), **Thiên Danh** (Viṣṇu)

) 4 Vị Dược Xoa ở 4 phương bàng là: **Hữu Ngũ** (Pāñcika), **Ngũ Xứ** (Pañcalaganda), **Bình Sơn** (Satagiri), **Tuyết Sơn** (Hemavata)

) 4 Vị Dược Xoa ở phương trên là: **Nhật Thần** (Sūrya), **Nguyệt Thần** (Soma), **Hỏa Thần** (Agni), **Phong Thần** (Vāyu)

) 4 Vị Dược Xoa ở phương dưới (trên mặt đất) là: **Địa** (Bhūma), **Diệu Địa** (Subhūma), **Hắc** (Kāla), **Tiểu Hắc** (Upakāla)

Chính Liễu Tri Đại Tướng cùng với 28 vị Dược Xoa thường âm thầm hộ vệ cho người Thuyết Pháp khỏi suy tổn, hưởng yên vui đồng thời cũng hộ vệ cho người nghe Pháp.

**Phát La Bà**: đọc đủ là **Bố Ngư Noa Bạt Đà La** (Pūrṇa-bhadra) tức Mãn Hiền Dược Xoa.

Cả 2 vị Dược Xoa này đều là em của Tỳ sa Môn Thiên Vương

23) **Xà Long Bộ** :

Kinh ghi: **“Nan Đà, Bạt Nan Đà”**

**Nan Đà**: tức **Nan Đà Long Vương** (Nanda-nāga-rāja) dịch là Hoan Hỷ Long Vương, là vị Rồng lớn

**Bạt Nan Đà**: gọi đủ là **Ô Bạt Nan Đà Long Vương** (Upananda-nāga-rāja) dịch là Hiền Hỷ Long Vương, là vị Rồng nhỏ

Đây là 2 anh em Long Vương, Chủ của tất cả hàng Xà Long, hay hộ trì Phật Pháp.

24) **Hải Long Vương Bộ** :

Kinh ghi : **“Bà Già La Long, Y Bát La”**

**Bà Già La Long** (Sāgara-nāga-rāja) tức Hải Long Vương, vị vua Rồng sống trong biển lớn và cũng có tên là Hàm Hải Long Vương

**Y Bát La** (Elāpattra): tên gọi một loài cây, vì vị vua Rồng có cây Y Bát La trên đầu nên có tên gọi là **Y Bát La Long Vương** (Elāpattra-nāga-rāja) và dịch là Hương Dược Long Vương

25) **Phi Thiên Chúng Bộ** :

Kinh ghi: **“Tu La, Càn Đạt Bà”**

**Tu La** : gọi đủ là **A Tu La** (Asura) dịch là Phi Thiên hay Vô Thiên Đẳng. Đây là hàng Thần có thần thông biến hóa nhưng phước đức không bằng chư Thiên.

Truyện Thuyết cho rằng Nam A Tu La có thân hình thô xấu, còn Nữ A Tu La thì rất xinh đẹp. Đây cũng là một trong các nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh giữa hàng A Tu La và chư Thiên.

**Càn Đạt Bà** (Gandharva) là Hương Âm Thần, Tầm Hương Thần, Hương Thần, Dược Thần. Tức là Nhạc Thần của Trời Đế Thích, thường tấu nhạc cho Trời Đế Thích nghe.

#### 26) Phi Nhân Bộ :

Kinh ghi: **“Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La”**

**Ca Lôu La** (Garuḍa) là Kim Xí Điều, một loài chim Thần có lông cánh màu vàng rất đẹp, hai cánh xòe ra cách nhau 3360000 dặm, có thần thông biến hóa, chuyên ăn thịt loài Rồng, thường hiện ra thân người đầu chim có lông cánh

Truyện Thuyết cho rằng Na La Diên Thiên thường cỡi chim Kim Xí Điều du hành trên hư không. Vì thế Kim Xí Điều được xem là dạng Thần Cách Hóa về tướng dụng của Na La Diên Thiên.

Dùng Kim Xí Điều làm Bản Tôn để hành Pháp cầu mưa, trị bệnh, giải trừ oan kết đều thành tựu. Ngoài ra Tôn này còn ăn nuốt tất cả phiền não, Ma chướng và dùng Đại Phước Lợi cung cấp cho chúng sinh

**Khẩn Na La** (Kinnara) là Nghi Thần, Ca Thần hay Âm Nhạc Thiên. Hàng Thần này tuy giống người nhưng trên đầu có sừng. Đôi khi Nam Thần có thân người đầu ngựa, riêng Nữ Thần thì đoan chính thích ca múa và thường làm vợ của hàng Càn Đạt Bà. Hàng Thần này thường ca múa và tấu Pháp Nhạc cho Trời Đế Thích thưởng thức

**Ma Hầu La**: gọi đủ là **Ma Hầu La Già** (Mahoraga) dịch là Đại Mãng Xà, Địa Long, Đại Phúc Hành Thần tức là Thần Rắn. Đây cũng là vị Thần Âm Nhạc có mình người đầu rắn

Do 3 hàng Thần này tựa như loài người mà chẳng phải người nên thường gọi là hàng **Phi Nhân** (Amanusya)

#### 27) Lôi Điện Thần Bộ:

Kinh ghi: **“Thủy Hỏa Lôi Điện Thần”**

Thủy Hỏa Lôi Điện Thần gồm có 2 hàng Thần là **Thủy Lôi** (Udaka-devagarjati) và **Hỏa Lôi** (Agni-devagarjati) và là Thần Chủng của mưa (Varsani)

**Lôi** (Devagarjati) tức là Tinh của mây mưa. Lôi có tiếng vang âm như tiếng trống nên Tây Thành kêu là **Vân Thanh Lôi** (tiếng vang rền của đám mây) Đây chính là hiện tượng va chạm của Âm Dương tạo ra âm thanh vang rền (Lôi) và ánh chớp lóe (Điện: Vidyu)

Như vậy **Thủy Hỏa Lôi Điện Thần** (Udaka-Agni-devagarjati-vidyu) là các vị Thần Sấm sét.

#### 28) Địa Quỷ Thần Bộ:

Kinh ghi: **“Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Đố”**

**Cưu Bàn Trà Vương** (Kumbhanda-rāja) là Ung Hình Quỷ Vương. Đôi khi loài Cưu Bàn Trà có mình người đầu ngựa và còn gọi là Dược Thần

**Tỳ Xá Đố** (Pisāca) là Xí Thần (Quý Thần ở nhà xí), Cuồng Quỷ, Âm Huyết Thực Quỷ, Cực Khổ Quỷ, Đạm Tinh Khí Quỷ

Đây là 2 loại Quỷ Vương trong 8 Bộ Quỷ Thần

28 Bộ trên có thể được ghép thành 14 cặp như sau:

1) **Chủ và BẠN của Minh Chú Thần**

Minh Chú Thần Bộ là Chủ của Minh Chú Thần  
Chú Thần Sứ Giả Bộ là Bạn của Minh Chú Thần

## 2) Trụ Không và Trụ Địa

Đại Lực Thiên Bộ là Không Cư Thiên

Khoáng Dã Quỷ Thần Bộ là Trụ Địa Khoáng Dã Thần

## 3) Nội Ngoại Nhuận Lợi

Thủy Thần Bộ tức Thủy Nhuận là lợi bên ngoài (Ngoại lợi)

Thiện Thần Bộ tức tác thiện sung mãn là lợi bên trong (Nội lợi)

## 4) Tướng quân và Chiến đấu

Thần Tướng Bộ là Đại Thần Tướng Quân

Đấu Chiến Thần Bộ là chiến đấu vô địch

Do dựa vào Tướng Quân mà chiến đấu nên hợp thành một cặp.

## 5) Trụ Địa và Lưu Hành

Sơn Thần Bộ là Trụ núi (tức đứng yên)

Lưu Hành Thần Bộ là Lưu Hành Thần (tức di chuyển)

## 6) Tĩnh Lự cạn sâu

Phạm Thiên Bộ: là y theo Thiên mà hành nông cạn thì được thân Phạm Thiên

Na Hàm Bộ: là do Thiên Định thâm sâu mà sinh vào cõi Ngũ Tịnh Cư.

## 7) Thắng Nam Nữ Thiên trong Địa Cư Thiên

Đế Thích Thiên Bộ là Thắng Nam Thiên

Dục Giới Thiên Nữ Bộ là Thắng Nữ Thiên

## 8) Trì Quốc và Trì Đà

Đất nước là nơi nương tựa của Hữu Tinh còn Đà Trì là nơi Thánh Nhân  
giáng lâm.

Càn Thất Bà Bộ là Trì Quốc vì Đông Phương Thiên hay giữ gìn quốc thổ của  
Thế Gian.

Dạ Xoa Thần Mẫu Bộ là Trì Đà vì Thần Mẫu Ha Lợi Đế hay hộ Đà Trì  
của Quán Âm Bộ.

## 9) Hộ Quốc và Hộ Thế

Cưu Bàn Trà Bộ là Hộ Quốc vì Nam Phương Thiên hay làm cho vạn vật tăng  
trưởng

Hộ Thế Thiên Bộ là Hộ Thế vì Tây Phương Thiên và Bắc Phương Thiên hay  
giúp đỡ cho người ở Thế Gian.

## 10) Sở Trì và Năng Trì

Điều Vương Bộ là Sở Trì vì có Chú Pháp Sở Trì

Đại Tiên Bộ là Năng Trì vì y vào đây mà có công của Năng Trì

## 11) Càn Hành và Trụ Phương

Đại Dược Xoa Bộ là Phi Hành Thiên Dược Xoa nên gọi là Càn Hành Dược Xoa  
(Dược Xoa siêng năng đi lại)

Phương Bá Dược Xoa Bộ hay trụ phương thủ hộ nên gọi là Trụ Phương Dược  
Xoa (Dược Xoa đứng theo phương vị của mình)

## 12) Ngoại Hải và Nội Hải

Hai Rồng Nanda và Upananda trụ bên ngoài, đi đến biển làm Tội Đại Long  
Vương nên Xà Long Bộ là Ngoại Hải Long Vương

Sa Già Long Vương ở trong biển Ngọt làm Tội Đại Long Vương nên Hải Long  
Bộ làm Nội Hải Long Vương.

## 13) Phi Thiên và Phi Nhân

A Tu La hay đánh nhau với chư Thiên mà phước đức chẳng bằng Trời. Càn Thát Bà tuy ở chung cõi Trời nhưng phải thường tấu nhạc cho Đế Thích nghe nên phước đức cũng chẳng bằng. Do đó cả hai loài này gọi là Phi Thiên Chúng Bộ.

Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già tuy tựa như người mà chẳng phải người nên gọi là Phi Nhân Chúng Bộ.

#### 14) **Thượng Hạ Quỷ Thần**

Lôi Điện Thần Bộ là Lôi Thần Tộc ở trên Hư Không

Địa Quỷ Thần Bộ là Quỷ Thần cư ngụ dưới đất



**Nhập Đường Cầu Pháp Tuần Lễ Hành Kỳ**, quyển 2 ghi chép trong chùa Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn của Trung Quốc có an trí 28 Tượng Thiên Thích Phạm Vương. Viện Liên Hoa Vương ở Kinh Đô Nhật Bản đến nay còn 28 Tôn Tượng đứng bằng gỗ được những người họ Tràm họ Khánh cung phụng.

1. **Mật Tích Kim Cương Sĩ**: Màu thịt đỏ, mặc Giáp Trụ, tướng phần nộ, Tay trái chống eo, cong khuỷu tay phải ngang ngực, cầm chày Kim Cương nằm ngang trong lòng bàn tay.



2. **Bát Bộ Lực Sĩ** : Màu thịt đỏ, mặc áo xanh, tướng Phần Nộ, tay trái để ở eo, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài.



3. **Ma Hê Na La Đạt**: Mặc áo Giáp Kim Cương, tay trái duỗi khuỷu, tay phải cầm cây đao lớn đâm xuống đất



4. **Kim Tỳ La Đà:** Mặc Giáp Trụ, tay trái để ở eo, tay phải rút cây đao lớn.



5. **Bà Cấp Bà Lô Na:** Màu vàng trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, tướng phần nộ, tay trái để sát ngực, tay phải để cạnh eo cầm cây đao lớn





6. **Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La:** Mặc áo Cà Sa màu xanh, hơi cười, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm Hoa Sen.



7. **Tát Giá Ma Hòa La:** Màu đỏ hơi trắng, đội mào trang sức trên thân, hơi cười, giậm ít, giờ cánh tay trái lên duỗi 5 ngón tay, tay phải cầm cán búa



8. **Cru Lan Đan Tra:** Màu xanh, mặc Giáp Trụ vàng ròng, hơi cười, tay trái để bên cạnh ngực duỗi 5 ngón tay, tay phải rũ cánh tay xuống, cầm Đại Dao



9. **Tất Bà Già La Vương:** Màu đỏ trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, hơi cười phần nộ, tay trái nắm lại thành quyền để ở giữa rốn, tay phải cầm cây Tam Kịch



10. **Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La:** Đầu đội mào ngọc, hơi phẫn nộ, hai tay bên trái bên phải nắm lại cầm chày Độc Cỗ



11. **Phạm Ma Tam Bát La:** Trang sức anh lạc trên thân, đầu đội mào Trời, như Thiên Nữ, tay trái để ở cạnh rón, tay phải cầm cây phát trần màu trắng



12. **Diêm Ma La:** Màu xanh lục, phần nộ, ngửa nhìn lên Trời, tay trái để ngang ngực, tay phải duỗi 5 ngón tay để ở dưới eo



13. **Thích Vương:** Mang giày cỏ, tay trái nắm thành quyền để ở eo, tay phải cầm chày Độc Cổ



14. **Đại Biện Công Đức Bà Đất Na:** Như Cát Tường Thiên Nữ, tay trái cầm cọng Hoa Sen đỏ trên có Hoa Sen đỏ, tay phải để ngang ngực ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



15. **Đề Đầu Lại Tra Vương:** Mặc Giáp Trụ, tướng phần nộ, tay trái để ở eo lưng, tay phải cầm chày Tam Cổ



16. **Thần Mẫu Nữ Đẳng:** Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



17. **Tỳ Lô Lạc Xoa:** Mặc Giáp Trụ, tay trái cầm cây Tam Kịch, tay phải cầm cây đao lớn



18. **Tỳ Sa Môn:** Tay trái cầm cái Tháp, tay phải cầm chày Tam Cỗ



19. **Kim Sắc Khổng Tước Vương:** Đầu là Chim công, từ vai trở xuống là hình người, hai tay dùng một bàn chân của con chim công làm cây gậy



20. **Đại Tiên Chủng:** Hình Tiên Nhân, tay trái giơ cánh tay lên, cầm quyển Kinh, tay phải cầm gậy



21. **Ma Ni Bạt Đà La:** Tóc đỏ kết hoa trang sức trên đầu, mặt như Thiên Nữ, hai tay chấp lại





22. **Tán Chi Đại Tướng Phát La Bà:** Màu trắng, đội mào Trời, hơi cười phần nộ, tay trái ngón cái vịn ngón giữa, tay phải cầm cây đao lớn



23. **Nan Đà Bạt Nan Đà:** Màu xanh lục, mặc Giáp Trụ, đầu đội con Rồng, tướng phần nộ, tay trái để trước ngực rũ 5 ngón tay xuống, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trở hướng lên trên.



24. **Sa Già La Long Y Bát La:** Tướng phần nộ, hai tay cầm Đại Dao đâm xuống đất



25. **Tu La Càn Thất Bà:** Màu trắng, có 3 mặt 6 cánh tay, mỗi mặt có 3 con mắt. Bên trái bên phải tay thứ nhất chấp lại. Bên trái bên phải tay thứ hai cầm Vòng Mặt Trời. Tay trái cầm Hoa Sen, tay phải cầm Bánh Xe



26. **Ca Lôu Khẩn Na Ma Hâu La:** Tướng phần nộ, tay trái để ở eo , tay phải cầm cây đao lớn



27. **Hỏa Lô Điện Thần:** Màu đen đỏ, đứng trong sóng màu đen, tướng phần nộ, tay trái để trước ngực, tay phải làm tư thế đè xuống đất



28. **Thủy Lô Điện Thần**: Màu xanh, do thân trú mưa, đứng trong sóng, như Quỷ Thần ác, hai tay tác nội phộc để trước ngực



**Nghi Quỹ Pháp tạo thứ tự của Thiên Thủ Quán Âm** do Tam Tạng Thiện Vô Úy dịch có ghi nhận Bản Hình và Chân Ngôn của 28 Bộ là:

1) **Mật Tích Kim Cương Sĩ**: màu hồng đỏ, đủ 3 mắt, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái nắm quyền đặt ở eo.

Chân Ngôn là: “**A cầu, a cầu, sa gia nghiệt tha gia, sa bà ha**”

2) **Ô Sô Quân Trà Ương Câu Thi**: tay trái cầm chày Kim Cương Nhất Cổ, tay phải đặt ở eo lưng. Tám Bộ Lục Sĩ Thượng Ca La màu xanh lục, tay phải cầm Tuệ Kiếm, tay trái kết Ấn Tam Cổ.

Chân Ngôn là: “**Án, tỳ sắt tha gia tị tha la, A la khát xoa đa gia, sa bà ha**”

3) **Ma Hê Na La Diên**: màu hồng đỏ, đủ 3 mắt, tướng sân nộ, dùng Tam Cổ Lạp làm mào, dùng báu Kim Cương làm chuỗi Anh Lạc, tay trái cầm chày, tay phải cầm cái bát báu: bên trong màu đỏ, bên ngoài màu đen.

Chân Ngôn là: “**Án, tam một trì tị đa na, sa bà ha**”

4) **Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La**: màu hồng, tay trái cầm cây cung báu, tay phải cầm mũi tên báu.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc tất nễ, A lợi dạ tam man tha, sa bà ha**”

5) **Bà Cấp Bà Lô Na**: màu hồng trắng, tay trái cầm sợi dây, tay phải đặt ở eo lưng.

Chân Ngôn là: “**Án, ô sắt tam muội gia, tỳ phật la tỳ phật la, sa bà ha**”

6) **Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La**: màu hồng, tay trái cầm bánh xe Kim Cương, tay phải kết Quyển Ấn.  
Chân Ngôn là: “**Án, phú lâu, sa đa sa đa, gia na gia na, A la sắt ni gia, sa bà ha**”

7) **Tát Giá Ma Hòa La**: tay trái cầm cây phượng báu trên có hình con chim Phụng, tay phải kết Ấn Thí Nguyện.  
Chân Ngôn là: “**Án, bồi đàn trì kệ đế, A la xoa, sa bà ha**”

8) **Cưu Lan Đan Tra Bán Xả La**: màu trắng hồng, Tay trái cầm cái chuông Kim Cương nhỏ (Kim Cương Linh) tay phải cầm cây gậy Kim Cương (Kim Cương Bông).  
Chân Ngôn là: “**Án, nghiệt na gia, nhũ tha dã la xoa, sa bà ha**”

9) **Hoà Bà Ca La Vương**: tay trái cầm cây đao, tay phải đặt ở eo lưng  
Chân Ngôn là: “**Án, muội la già xoa gia, A tri la xoa gia. Nam mô thất lợi gia duệ, sa bà ha**”

10) **Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La**: màu vàng đen, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên có 3 ngạnh (Tam xoa xử tiễn) .  
Chân Ngôn là: “**Án, ma ha đế tộ duệ, sa bà ha**”

11) **Phạm Ma Tam Bát La**: màu trắng hồng, tay trái cầm cái bình bát, tay phải cầm chày Tam Cổ.  
Chân Ngôn là: “**Án, phạt la phạt la, dục suất đế dục suất đế, sa bà ha**”

12) **Ngũ Bộ Tịnh Cư Diễm Ma La**: màu trắng tím, tay trái cầm cây phượng Diễm Ma, tay phải cầm cái cán của cây phượng.  
Chân Ngôn là: “**Án, bạt la phạt la, hồng phần tra, hồng phần tra, sa bà ha**”

13) **Thích Vương Tam Thập Tam**: màu trắng hồng, tay trái đặt ở eo lưng, tay phải cầm chày Kim Cương.  
Chân Ngôn là: “**Án, muội ni ca thích ca, bạt chiết la, tích lưu ly gia, sa bà ha**”

14) **Đại Biện Công Đức Bà Đát Na**: gồm con gái của Đế Thích Thiên Chủ, Đại Đức Thiên Nữ, Đại Phi của Đa Văn Thiên, tay trái cầm viên ngọc Như Ý màu cam tím, tay phải cầm cây kiếm Kim Cương.  
Chân Ngôn là: “**Án, ma ha cụ lăng cát lợi tha duệ, sa bà ha**”

15) **Đề Đầu Lại Tra Vương**: màu hồng đỏ với màu trắng xanh, tay trái cầm viên ngọc Như Ý màu xanh vàng có 8 góc, tay phải cầm cây đao.  
Chân Ngôn là: “**Án, sát lợi gia duệ, tát bà ha tát bà ha, tát đa tỳ tê gia sắt tra, sa bà ha**”

16) **Chúng Đại Lực của Đẳng 16 Thần Mẫu** : màu sắc như trên  
Chân Ngôn là: “**Án, hê lợi hê lợi, đa hê đồ hê, sa bà ha**”

17) **Tỳ Lô Nặc Xoa Vương**: màu đỏ, tay trái cầm cái chày, tay phải cầm cây kiếm.

Chân Ngôn là: “**Án, hê y, hồng hồng, sa bà ha**”

18) **Tỳ Lô Bác Xoa Vương**: màu trắng, tay trái cầm cái chày, tay phải cầm sợi dây Kim Tác màu xanh .

Chân Ngôn là: “**Án, ma nhi kỳ phổ khát sa đễ, sa bà ha**”

19) **Tỳ Sa Môn Thiên Vương**: màu xanh cam, tay trái cầm cái Tháp báu, tay phải cầm cái chày.

Chân Ngôn là: “**Án, nam mô đế nam bạt chiết la kỳ xoa ba la nhĩ tha - Nam mô nam tích thấp lương phát noa gia ba lương xoa gia, sa bà ha**”

20) **Kim Sắc Khổng Tước Vương**: thân màu vàng ròng, tay trái cầm cây phượng báu trên có hình chim công màu sắc tuyệt đẹp (Tổ diệu sắc) nói vô lượng diệu ngôn.

Chân Ngôn là: “**Án, cụ quang hồng phát, sa la ca la tán quang phát tra, sa la ca la chu biến hồng ca la - Án phát tra, sa bà ha**”

21) **28 Bộ Đại Tiên chúng**: là 28 vị Thiên Thần với Y Xá Na Thần là thượng thủ, thân màu đỏ đen, tay trái cầm chày, tay phải cầm cái bình bát màu đỏ, dùng báu Kim Cương làm chuỗi Anh Lạc.

Chân Ngôn là: “**Án, nam mô Phật Pháp Tăng, nhĩ tha la xã phộc tất nễ duệ, sa bà ha**”

22) **Ma Ni Bạt Đà La**: màu trắng hồng, tay trái cầm cây phượng báu trên có viên ngọc Như Ý, tay phải kết Ấn Thí Nguyện.

Chân Ngôn là: “**Án, đà la ca la lai man đà, sa bà ha**”

23) **Tán Chỉ Đại Tướng Phát La Bà**: thân màu hồng đỏ, tay trái cầm Kim Cương, tay phải đặt ở eo lưng.

Chân Ngôn là: “**Án, a lợi gia, tam muội duệ, sa bà ha**”

24) **Nan Đà, Bạt Nan Đà**: thân trên màu đỏ, tay trái cầm sợi dây lục đỏ, tay phải cầm cây kiếm trên đầu cây kiếm đều có 5 con rồng. Thân dưới màu xanh đen, tay trái cầm sợi dây xanh, tay phải cầm cây đao.

**Bà Già La Long, Y Bát La**: Thân trên màu trắng hồng, tay trái cầm con Rồng đỏ, tay phải cầm cây đao. Thân dưới màu trắng xanh, tay trái cầm con Rồng trắng.

Chân Ngôn là: “**Án, a lợi gia, tam muội duệ, sa bà ha**”

25) **Tu La** : là đại thân Tu La, thân màu hồng đỏ, tay trái cầm Nhật Luân (Mặt Trời) tay phải cầm Nguyệt Luân (Mặt trăng)

**Càn Sát Bà**: tay trái cầm cây Ca Cầm (Loại Đàn đệm cho các cuộc múa hát) tay phải kết Vũ Ấn (Ấn múa) thân màu trắng hồng .

**Ca Lô La Vương**: có 2 cái cánh màu vàng, tay trái cầm con sò, tay phải cầm cây sáo bằng vỏ ốc báu (Bảo Loa Địch).

**Khẩn Na La, Ma Hầu La Già:** 2 vị vương này hình màu trắng như Nữ La Sát, có 2 mắt cho đến 3, 4, 5 con mắt. Cầm các Nhạc Khí đầy đủ 2, 4, 6, 8 tay. Đội mũ Trời, khoác áo trời, các ngọc báu dùng trang điểm thân.

Chân Ngôn là: “**Án, triển nhạ triển cụ vị lợi ca, sa bà ha**”

26) **Thủy Hỏa Lô Diễn Thần:** 4 vị Thần này đều là vợ chồng. Lô (Sấm) là Thiên Lô Thần. Diễn (Sét) là Địa Diễn Thần. Hai vị Thần này lại còn dùng nước lửa để trang nghiêm thân.

Chân Ngôn là: “**Án, cụ la bà duệ du, sa bà ha**”

27) **Cưu Bàn Trà Vương:** mũi dài, hình sơn nô màu đen, tay trái cầm Chiến đại Khí (Khí Giới to lớn dùng để chiến đấu) tay phải cầm sợi dây.

Chân Ngôn là: “**Án, đồ duệ, a đồ duệ, sa bà ha**”

28) **Tỳ Xá Đố:** mắt to, hình sơn nô màu đen, tay trái cầm bánh xe bằng sắt (Thiết Luân), tay phải cầm viên ngọc lửa (Hỏa Ngọc )

Chân Ngôn là: “**Án, đế duệ đế duệ, mê đà mê đà, sa bà ha**”

\_ Trong Pháp Trì tụng Đại Bi Thần Chú, Đa Văn Thiên Vương hay hộ trì Phật Pháp nên dùng riêng Pháp này để phòng hộ cho Người Trì Chú.

Bà Tâu Thiên (Vasu-Rṣī), Công Đức Thiên Nữ Śrī-devī) được dùng riêng cho Bảo Bộ trong Quán Âm Bộ.

Ha Lợi Đế Mẫu (Hārtye Mātṛ) vốn có thệ ước là hộ trì Pháp Quán Âm nên thường được tụng kèm thêm.

\_ Riêng trong Pháp tu **Thiên Thủ Quán Âm**, các vị Đạo Sư thường truyền dạy các Pháp căn bản để hỗ trợ cho Hành Giả mau chóng thành tựu là: Liên Hoa Bách Tự Minh, 4 Tâm Vô Lượng, 4 Nội Cúng Đường, 4 Ngoại Cúng Đường, 10 Ba La Mật và ghi rất rõ các Ấn Chú trong Kinh Quỹ.

